

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HC-ST
Ngày 10/5/2023
V/v: Khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính trong lĩnh
vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Nâu.
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Thành;
2. Ông Nguyễn Hoàng Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Lương Thanh Hào - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25/4/2023 và ngày 10/5/2023, tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang kết nối với điểm cầu UBND huyện Y, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 112/2022/TLST-HC ngày 12/12/2022, về việc: Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐST-HC ngày 05/4/2023, giữa:

Người khởi kiện: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1952; địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, có mặt.

Người bị kiện: Chủ tịch UBND và UBND huyện Y, tỉnh Bắc Giang do ông Hoàng Văn T1, chức vụ: Chủ tịch đại diện theo pháp luật, ông T1 uỷ quyền cho ông Nguyễn Văn T2, chức vụ Phó Chủ tịch (Văn bản uỷ quyền số 3966/UBND-NC ngày 15/12/2022), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Lê Mạnh H, chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Y, tỉnh Bắc Giang, có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- UBND xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang do ông Trần Văn H1, chức vụ: Chủ tịch đại diện theo pháp luật, có mặt.

- Bà Phạm Thị H2, sinh năm 1952; anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1975; anh Nguyễn Văn T4, sinh năm 1981; cùng địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ dân phố số C, thị trấn N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà H2, anh T3, anh T4 và anh V: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, có mặt.

Người làm chứng:

- Bà Doãn Thị Đ, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; có mặt tại phiên toà ngày 25/4/2023, vắng mặt tại phiên toà ngày 10/5/2023.

- Ông Nguyễn Ngọc L – Công chức địa chính xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, có mặt.

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, vắng mặt.

- Ông Thân Văn T5 – Nguyên Chủ tịch UBND xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (khoá 2005-2010), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Nguyễn Ngọc T trình bày:

Theo Quyết định số 1217/QĐ-UB ngày 14/7/2005 của Ủy ban nhân dân huyện Y về việc thu hồi đất để quy hoạch thị tứ Y, xã T, gia đình ông bị thu hồi 943,0m² đất nông nghiệp giao ổn định 20 năm. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ gia đình ông đã nhận đầy đủ là 36.616.200đ và không đề nghị gì thêm.

Gia đình ông bị thu hồi 943,0m² đất nông nghiệp, theo quy định của thôn, xã thì hộ gia đình bị thu hồi trên 500m² được tham gia bốc vé 02 lô đất ở nên ông đã bốc được lô 215 và lô 216.

Đến ngày 17/9/2009, UBND xã giải quyết cho hộ gia đình ông được lô số 215 còn lô 216 UBND xã và cán bộ UBND huyện nói là mượn để giải quyết cho người khác và khi nào thu hồi lần 2 thì giao thêm cho hộ gia đình ông lô 47 diện tích 83m² giáp công Trường học cấp 2 xã T. Song đến nay gia đình ông không được giải quyết nên gia đình ông đã khiếu nại nhiều lần đến Chủ tịch UBND huyện Y. Đến ngày 30/8/2021, Chủ tịch UBND huyện Y ban hành Văn bản số 2185/UBND-ĐĐ về việc trả lời đề nghị của ông Nguyễn Ngọc T, thường trú tại thôn A, xã T. Nội dung của văn bản kết luận việc ông đề nghị nhà nước giao thêm 01 lô đất ở khi thu hồi đất nông nghiệp năm 2005 là không có cơ sở xem xét giải quyết.

Không đồng ý với việc trả lời nêu trên, ông tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện Y. Ngày 24/01/2022, Chủ tịch UBND huyện Y ban hành Quyết định số 427/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc T, công dân thôn A, xã T, huyện Y (lần đầu), với nội dung: Không chấp nhận khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc T (sau đây viết tắt là Quyết định số 427)

Không đồng ý với Quyết định số 427, ông làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết:

- Hủy Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của Chủ tịch UBND huyện Y, về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc T, công dân thôn A, xã T, huyện Y (lần đầu).

- Buộc Chủ tịch UBND huyện Y giải quyết giao thêm cho gia đình ông lô số 47 diện tích 83m² giáp cổng Trường học cấp 2 xã T.

Ngoài các yêu cầu trên, ông không có yêu gì thêm.

Chủ tịch UBND và Ủy ban nhân dân huyện Y do ông Nguyễn Văn T2, chức vụ: Phó Chủ tịch đại diện theo ủy quyền trình bày:

- Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc T, công dân thôn A, xã T, huyện Y (lần đầu) của Chủ tịch UBND huyện.

Căn cứ vào hồ sơ giải quyết đơn thư khiếu nại của tổ công tác theo Quyết định số 10395/QĐ-UBND ngày 23/9/2021 của Chủ tịch UBND huyện Y về việc thành lập Tổ xác minh nội dung khiếu nại của công dân; Quyết định số 10870/QĐ-UBND ngày 02/11/2021 về việc gia hạn thời gian xác minh, căn cứ vào các tài liệu, căn cứ pháp lý để khẳng định trả lời nội dung khiếu nại và căn cứ Điều 18, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33 Luật khiếu nại năm 2011, cho thấy thẩm quyền, trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại, đúng quy định của pháp luật, do vậy đề nghị Tòa án tuyên giữ nguyên Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc T, công dân thôn A, xã T, huyện Y (lần đầu) của Chủ tịch UBND huyện.

- Đối với yêu cầu xem xét tính hợp pháp của Công văn số 2185/UBND-ĐD ngày 30/8/2021 của Chủ tịch UBND huyện Y về việc trả lời đề nghị của ông Nguyễn Ngọc T, thường trú tại thôn A, xã T.

Năm 2005, thực hiện chủ trương thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất sang quy hoạch đất ở tại thị tứ Y, xã T.

Việc quy chủ sử dụng đất để lập phương án bồi thường được xác định trên cơ sở là các chủ hộ được giao đất nông nghiệp ổn định từ năm 1992-1993 (sổ giao ruộng), chủ hộ đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ địa chính. Quá trình thực hiện quy chủ sử dụng đất được kiểm tra, rà soát chi tiết trên cơ sở các hồ sơ, tài liệu lưu trữ tại UBND xã T và Ban quản lý các thôn.

Quá trình lập hồ sơ thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất, lập phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB đã được thực hiện dân chủ, công khai và đúng theo quy định pháp luật. Phương án bồi thường đã được niêm yết công khai rộng rãi đến toàn thể nhân dân để tiếp thu ý kiến phản ánh của người dân có đất bị thu hồi.

Sau khi tiến hành đo đạc, lập hồ sơ thu hồi, bồi thường GPMB thực hiện dự án. UBND xã T, Ban quản lý các thôn có liên quan tiến hành quy chủ sử dụng đất, xác định diện tích, nguồn gốc sử dụng đất và hình thức giao đất, trên cơ sở đó tổng hợp phương án bồi thường GPMB đối với diện tích đất thu hồi, chuyển mục đích sử dụng sang quy hoạch đất ở.

Ngày 14/7/2005, UBND huyện ban hành Quyết định số 1217/QĐ-UBND về việc thu hồi để quy hoạch đất ở thị tứ Y, theo phương án đã được phê duyệt, hộ ông Nguyễn Ngọc T có tổng diện tích đất nông nghiệp thu hồi 1.072,0m² (trong đó đất giao ổn định 20 năm là 943,0m²), tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ 36.615.200 đồng (gồm các thửa đất số 276, diện tích 459,0m², kinh phí bồi thường, hỗ trợ

15.764.400 đồng; thửa đất số 256, diện tích 307,0m², kinh phí bồi thường, hỗ trợ 10.713.200 đồng; thửa đất số 252, diện tích 306,0m², kinh phí bồi thường, hỗ trợ 10.137.600 đồng).

Toàn bộ kinh phí bồi thường, hỗ trợ trên đã đảm bảo đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp của hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi theo quy định tại Quyết định số 06/2005/QĐ-UBND ngày 31/01/2005 của UBND tỉnh B về việc ban hành Quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh Bắc Giang và đã được chi trả đầy đủ cho hộ ông Nguyễn Ngọc T theo đúng phương án được duyệt (bà Phạm Thị H2 là vợ ông Nguyễn Ngọc T đã nhận đủ kinh phí bồi thường, hỗ trợ theo theo phương án đã duyệt).

Quá trình lập hồ sơ thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất, lập phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB đã được thực hiện dân chủ, công khai và đúng theo quy định pháp luật. Phương án bồi thường đã được niêm yết công khai rộng rãi đến toàn thể nhân dân, ông Nguyễn Ngọc T đã thống nhất với việc lập phương án, đồng ý ký phương án và nhận tiền bồi thường theo phương án được duyệt.

Căn cứ khoản 2 Điều 42 Luật đất đai năm 2003 quy định “*Người bị thu hồi loại đất nào thì được bồi thường bằng việc giao đất mới có cùng mục đích sử dụng, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm có quyết định thu hồi*”.

Toàn bộ kinh phí bồi thường, hỗ trợ đã được chi trả cho ông Nguyễn Ngọc T đã đảm bảo đúng, đủ theo quy định tại Quyết định số 06/2005/QĐ-UBND ngày 31/01/2005 của UBND tỉnh B về việc ban hành Quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Việc ông Nguyễn Ngọc T đề nghị Nhà nước giao đất ở khi thu hồi đất nông nghiệp năm 2005 là không đúng với các quy định pháp luật đất đai nên không có cơ sở để xem xét giải quyết, do vậy Công văn số 2185/UBND-ĐĐ ngày 30/8/2021 của Chủ tịch UBND huyện về việc trả lời đề nghị của ông Nguyễn Ngọc T, thường trú tại thôn A, xã T là đảm bảo quy định của pháp luật.

- Đối với yêu cầu xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 1217/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Quyết định số 1218/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng cùng ngày 14/7/2005 của UBND huyện Y liên quan đến hộ gia đình ông Nguyễn Ngọc T.

Theo Điều 31 của Luật khiếu nại năm 1998 và được sửa đổi bổ sung ngày 29/11/2005 và có hiệu lực từ ngày 01/6/2006

“Điều 31 Thời hiệu khiếu nại là 90 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hành chính

Trong trường hợp vì ốm đau, thiên tai, dịch họa, đi công tác, học tập ở nơi xa hoặc vì những trở ngại khách quan khác mà người khiếu nại không thực hiện được quyền khiếu nại theo đúng thời hiệu, thì thời gian có trở ngại đó không tính vào thời gian khiếu nại”.

Do vậy Quyết định số 1217/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Quyết định số 1218/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng ngày 14/7/2005 của UBND huyện Y đã hết thời hiệu khiếu nại.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà H2, anh T3, anh T4 và anh V là bà Nguyễn Thị D trình bày: Thống nhất với ý kiến của người khởi kiện, không bổ sung gì thêm.

Tại phiên tòa người khởi kiện trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người bị kiện trình bày vẫn giữ nguyên các quyết định hành chính.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đề nghị HĐXX bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc T.

Tham gia phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Đương sự vắng mặt đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là đúng quy định.

Sau khi phân tích yêu cầu khởi kiện và tài liệu, chứng cứ, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206 và khoản 1 Điều 348 Luật tố tụng hành chính. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc T.

Về án phí, quyền kháng cáo: Đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thời hiệu khởi kiện vụ án: Ngày 24/01/2022, Chủ tịch UBND huyện Y ban hành Quyết định số 427 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc T lần đầu.

Không đồng ý với các quyết định nêu trên nên ngày 01/11/2022, ông Nguyễn Ngọc T đã làm đơn khởi kiện ra TAND tỉnh Bắc Giang để xem xét, giải quyết.

Căn cứ vào khoản 2, 3 Điều 116 Luật tố tụng hành chính 2015, ông Nguyễn Ngọc T nộp đơn khởi kiện trong thời hiệu 01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu nên HĐXX chấp nhận để xem xét, giải quyết theo quy định.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Ngọc T nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của Chủ tịch UBND huyện Y, về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc T, công dân thôn A, xã T, huyện Y (lần đầu).

- Buộc Chủ tịch UBND huyện Y giải quyết giao thêm cho gia đình ông lô số 47 diện tích 83m2 giáp công Trường học cấp 2 xã T.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính 2015, đây là quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND tỉnh Bắc Giang.

[1.3]. Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa xét xử vụ án: Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đương sự, người đại diện của các đương sự và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự có mặt.

HĐXX căn cứ vào Điều 157 Luật tổ tụng hành chính 2015, tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[2.1]. Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của Chủ tịch UBND huyện Y, về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc T, công dân thôn A, xã T, huyện Y (lần đầu).

- Xét về thẩm quyền ban hành quyết định: Căn cứ Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011, Chủ tịch UBND huyện Y ban hành Quyết định số 427 là đúng thẩm quyền.

- Về thời hạn ban hành quyết định: Ngày 30/8/2021, Chủ tịch UBND huyện Y ban hành Văn bản số 2185/UBND-ĐĐ về việc trả lời đề nghị của ông Nguyễn Ngọc T. Không đồng ý với nội dung trả lời đơn nên ngày 28/9/2021 ông T khiếu nại việc trả lời đơn nêu trên. Ngày 24/01/2022, Chủ tịch UBND huyện Y ban hành Quyết định số 427 là đảm bảo về thời hạn theo quy định tại Điều 28 Luật khiếu nại năm 2011.

- Xét về trình tự, thủ tục ban hành quyết định: Sau khi thụ lý đơn khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc T, Chủ tịch UBND huyện Y đã giao cho cơ quan chuyên môn xác minh nội dung khiếu nại và tiến hành tổ chức đối thoại. Căn cứ Điều 29, 30 Luật Khiếu nại năm 2011, ngày 24/01/2022 của Chủ tịch UBND huyện Y ban hành Quyết định số 427 là đảm bảo quy định của pháp luật.

- Xét về nội dung và hình thức của quyết định: Chủ tịch UBND huyện Y ban hành Quyết định số 427 đã thể hiện đầy đủ nội dung được quy định tại Điều 31 Luật khiếu nại. Vì vậy Quyết định số 427 là đảm bảo quy định của pháp luật.

Quyết định số 427 là đảm bảo về thẩm quyền, trình tự, thủ tục và căn cứ về nội dung, hình thức của văn bản nên HĐX không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc T đề nghị hủy quyết định này.

[2.2]. Đối với yêu cầu buộc Chủ tịch UBND huyện Y giải quyết giao thêm cho gia đình ông lô số 47 diện tích 83m² giáp công Trường học cấp 2 xã T. HĐXX thấy:

Cùng ngày 14/7/2005, UBND huyện Y ban hành Quyết định số 1217/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Quyết định số 1218/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng để quy hoạch đất ở Thị tứ Y. UBND huyện đã thu hồi của gia đình ông Nguyễn Ngọc T có tổng diện tích đất nông nghiệp: 1.072,0m² (trong đó đất giao ổn định 20 năm là 943,0m²), tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ 36.615.200 đồng (gồm các thửa đất số 276, diện tích 459,0m², kinh phí bồi thường, hỗ trợ 15.764.400 đồng; thửa đất số 256, diện tích 307,0m², kinh phí bồi thường, hỗ trợ 10.713.200 đồng; thửa đất số 252, diện tích 306,0m², kinh phí bồi thường, hỗ trợ 10.137.600 đồng).

Toàn bộ kinh phí bồi thường, hỗ trợ trên đã đảm bảo đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp của hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi theo quy định tại Quyết

định số 06/2005/QĐ-UBND ngày 31/01/2005 của UBND tỉnh B về việc ban hành Quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh Bắc Giang và đã được chi trả đầy đủ cho hộ ông Nguyễn Ngọc T theo đúng phương án được duyệt (bà Phạm Thị H2 là vợ ông Nguyễn Ngọc T đã nhận đủ kinh phí bồi thường, hỗ trợ theo theo phương án đã duyệt).

Quá trình lập hồ sơ thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất, lập phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB đã được thực hiện dân chủ, công khai và đúng theo quy định pháp luật. Phương án bồi thường đã được niêm yết công khai rộng rãi đến toàn thể nhân dân, ông Nguyễn Ngọc T đã thống nhất với việc lập phương án, đồng ý ký phương án và nhận tiền bồi thường theo phương án được duyệt.

Tại phiên tòa, người bị kiện khẳng định toàn bộ diện tích đất ở thị tứ Y, trong đó có diện tích đất ông T yêu cầu hiện nay đã đấu giá xong, không còn lô đất nào.

Căn cứ khoản 2 Điều 42 Luật đất đai năm 2003 quy định “*Người bị thu hồi loại đất nào thì được bồi thường bằng việc giao đất mới có cùng mục đích sử dụng, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm có quyết định thu hồi*”.

Việc ông Nguyễn Ngọc T đề nghị giao thêm cho gia đình ông thêm 01 lô khi thu hồi đất nông nghiệp năm 2005 là không có cơ sở, cũng vì vậy Công văn số 2185/UBND-ĐĐ ngày 30/8/2021 của Chủ tịch UBND huyện về việc trả lời đề nghị của ông Nguyễn Ngọc T, thường trú tại thôn A, xã T là đảm bảo quy định của pháp luật.

[3]. Đối với quyết định hành chính có liên quan: Quyết định số 1217/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Quyết định số 1218/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng cùng ngày 14/7/2005 của UBND huyện Y.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông T và người đại diện theo uỷ quyền khẳng định đồng ý với việc thu hồi đất, đồng ý với giá bồi thường, không có thắc mắc, không có bất kỳ khiếu kiện, khiếu nại gì đối với hai quyết định nêu trên.

HĐXX xét thấy, trước khi ban hành các quyết định nêu trên, UBND huyện Y đã tiến hành xây dựng và thực hiện kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm; lập, thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ. Vì vậy, các quyết định trên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Điều 38, Điều 42, khoản 2 Điều 42 và Điều 44 Luật đất đai năm 2003; Điều 6, 8 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính Phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

[4]. Về án phí hành chính sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc T không được chấp nhận nhưng ông T thuộc đối tượng người cao tuổi nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, HĐXX miễn nộp toàn bộ tiền án phí hành chính sơ thẩm cho ông T.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 204 và Điều 206 của Luật tố tụng hành chính.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 và khoản 1 Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính.

Căn cứ Điều 38, Điều 42, khoản 2 Điều 42, Điều 44, khoản 2 Điều 136 Luật Đất đai năm 2003; Điều 21, 29, 30 và Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011; Điều 6 và Điều 8 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính Phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc T về việc đề nghị Tòa án:

- Hủy Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của Chủ tịch UBND huyện Y, về việc giải quyết khiếu nại đơn của ông Nguyễn Ngọc T, công dân thôn A, xã T, huyện Y (lần đầu).

- Buộc Chủ tịch UBND huyện Y giải quyết giao thêm cho gia đình ông lô số 47 diện tích 83m2 giáp công Trường học cấp 2 xã T.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Miễn nộp toàn bộ án phí hành chính sơ thẩm cho ông Nguyễn Ngọc T.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa hoặc đã tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự ;
- Lưu: HS, THC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Văn Nâu